



United Nations Rules

for the

Treatment^{of} Women Prisoners
and **Non-custodial Measures for Women Offenders**

(The Bangkok Rules)

Unofficial Translation
By Thailand Institute of Justice

Những quy tắc của Liên Hiệp Quốc trong việc đối xử đối với tù nhân nữ

và các biện pháp không giam giữ đối với nữ tội phạm

(Nguyên Tắc Bangkok/ Băng Cốc)

I. Các quy tắc áp dụng chung:

1. Nguyên tắc cơ bản:

[Bổ sung cho Quy tắc 6 của Bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 1

Nhằm tạo điều kiện để nguyên tắc không phân biệt đối xử của Bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân được áp dụng vào thực tiễn, phải tính đến các nhu cầu đặc thù của tù nhân nữ trong việc áp dụng các Quy tắc này. Đáp ứng các nhu cầu như vậy là nhằm đảm bảo bình đẳng giới thực chất, thì không được xem đó như là sự phân biệt đối xử nam nữ.

2. Tiếp nhận

Quy tắc số 2

1. Phải chú ý một cách thích hợp đến quy trình tiếp nhận phạm nhân đối với phụ nữ và trẻ em, do hai **đối tượng này** đặc biệt dễ tổn thương trong giai đoạn đó. Những tù nhân nữ mới vào tù phải được cung cấp các phương tiện để liên lạc với người thân, được tư vấn pháp luật, thông tin về các quy tắc và quy định nhà tù, cũng như chế độ nhà tù và nơi tìm đến khi cần giúp đỡ, với ngôn ngữ giao tiếp mà tù nhân có thể hiểu được; và, trong

trường hợp là công dân nước ngoài thì phải được liên lạc với đại diện lãnh sự của họ.

2. Trước hoặc trong khi làm thủ tục tiếp nhận giam giữ, phụ nữ có trách nhiệm chăm sóc **con cái** phải được cho phép thu xếp cho những đứa trẻ đó, bao gồm cả khả năng hoãn thi hành án phạt tù, trong khi thực hiện các điều này cần xem xét đến lợi ích tối ưu của trẻ em.

3. Đăng ký:

[Bổ sung cho Quy tắc 7 của Bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 3

1. Số lượng và thông tin cá nhân của trẻ em có mẹ bị tiếp nhận vào nhà tù phải được ghi nhận tại thời điểm tiếp nhận. Hồ sơ tiếp nhận phải bao gồm tối thiểu tên của trẻ em, tuổi và, trường hợp không ở chung với mẹ, thì bao gồm chỗ ở và tình trạng được gửi chăm sóc hoặc giám hộ trẻ. Các thông tin đưa ra phải trong phạm vi không phương hại đến các quyền của người mẹ.

2. Mọi thông tin liên quan đến danh tính của trẻ em phải được giữ bí mật. Việc sử dụng các thông tin đó phải luôn tuân thủ với các yêu cầu đảm bảo lợi ích của trẻ em.

4. Địa điểm giam giữ:

Quy tắc số 4

Tù nhân nữ, trong khả năng có thể, phải được chỉ định đến các nhà tù gần với nơi ở của họ hoặc các trung tâm phục hồi nhân phẩm, trong đó cần phải tính đến trách nhiệm chăm sóc con cái của họ, cũng như đặc điểm ưu tiên của từng cá nhân phụ nữ và các chương trình và dịch vụ phù hợp có sẵn.

5. Vệ sinh cá nhân:

[Bổ sung cho Quy tắc 15 và 16 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 5

Nơi ở của tù nhân nữ phải có cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết để đáp ứng nhu cầu vệ sinh đặc thù của phụ nữ, bao gồm cả khăn sạch miễn phí và cung cấp nước thường xuyên, đảm bảo luôn sẵn sàng cho việc chăm sóc cá nhân của trẻ em và người mẹ, đặc biệt đối với các tù nhân nữ làm việc liên quan đến nấu ăn và những tù nhân nữ đang có thai, hoặc đang cho con bú, hoặc đang trong kỳ kinh nguyệt.

6. Các dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe

[Bổ sung cho Quy tắc 22 và 26 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

(A) Kiểm tra y tế khi tiếp nhận

[Bổ sung cho Quy tắc 24 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 6

Việc kiểm tra y tế đối với tù nhân nữ phải bao gồm kiểm tra toàn diện nhằm xác định nhu cầu chăm sóc y tế tối thiểu, và cũng để xác định:

(a) sự hiện diện của các bệnh lây truyền qua đường tình dục hoặc các bệnh lây truyền qua đường máu; và, tùy thuộc vào các yếu tố về nguy cơ lây nhiễm, tù nhân nữ cũng có thể được xét nghiệm HIV, kèm với tư vấn trước và sau khi xét nghiệm;

(b) Nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tâm thần, bao gồm rối loạn căng thẳng sau chấn thương tâm lý, có ý định tự tử và tự ngược đãi bản thân.

(c) Tiền sử về sức khoẻ sinh sản của tù nhân nữ, bao gồm việc đang mang thai hoặc những lần mang thai gần nhất, tình trạng sinh đẻ hoặc bất kỳ vấn đề sức khoẻ sinh sản có liên quan;

(d) Dấu hiệu lệ thuộc vào chất kích thích.

(e) Bị lạm dụng tình dục và các hình thức bạo lực khác trước khi được tiếp nhận vào nhà tù.

Quy tắc số 7

1. Nếu dấu hiệu lạm dụng tình dục hoặc các hình thức bạo lực khác trước hoặc trong quá trình bị giam giữ được chuẩn đoán phát hiện, tù nhân nữ phải được thông báo về quyền của mình để tìm đến sự hỗ trợ từ phía các cơ quan pháp luật có thẩm quyền. Nữ tù nhân nên được cung cấp đầy đủ thông tin về các quy trình và các bước tiến hành. Nếu nữ tù nhân đồng ý tiến hành các biện pháp pháp lý, cán bộ nhà tù phù hợp phải được thông báo và lập tức chuyển vụ kiện đến cơ quan có thẩm quyền để tiến hành điều tra. Quản lý nhà tù phải giúp những nữ tù nhân này tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ pháp lý.

2. Cho dù nữ tù nhân có lựa chọn tiến hành khởi tố hay không, quản lý nhà tù phải cố gắng đảm bảo rằng họ được nhanh chóng tiếp cận đến chuyên gia hỗ trợ và tư vấn tâm lý.

3. Các biện pháp cụ thể phải được phát triển nhằm phòng tránh bất cứ mọi hình thức trả thù đối với việc lập báo cáo như trên, hoặc tiến hành các biện pháp pháp lý.

Quy tắc số 8

Quyền của tù nhân nữ về bảo mật y tế, đặc biệt bao gồm quyền từ chối chia sẻ thông tin và không tiến hành các kiểm tra liên quan đến tiền sử sức khỏe sinh sản, phải luôn được tôn trọng.

Quy tắc số 9

Nếu tù nhân nữ đi cùng với trẻ em, thì đứa trẻ cũng phải được kiểm tra sức khỏe, ưu tiên được tiến hành bởi chuyên gia sức khỏe trẻ em, nhằm xác định bất cứ mọi nhu cầu điều trị và y tế. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù hợp, tối thiểu tương đương với các dịch vụ ngoài xã hội, phải được cung cấp cho trẻ em.

(B) Chăm sóc sức khỏe cụ thể theo giới

Quy tắc số 10

1. Các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cụ thể theo giới tối thiểu tương đương với các dịch vụ đang có sẵn trong cộng đồng phải được cung cấp cho tù nhân nữ.
2. Nếu một tù nhân nữ yêu cầu được khám bệnh hoặc điều trị bởi một bác sĩ nữ hoặc y tá nữ, thì bác sĩ nữ hoặc y tá nữ phải được điều động, ở mức độ có thể, trừ những trường hợp đòi hỏi sự can thiệp y tế khẩn cấp. Nếu một chuyên viên y tế nam tiến đảm nhận quá trình khám bệnh mà đi ngược lại mong muốn của tù nhân nữ, một nữ cán bộ y tế phải hiện diện trong suốt quá trình khám bệnh.

Quy tắc số 11

1. Chỉ có cán bộ y tế được hiện diện trong quá trình khám bệnh, trừ khi bác sỹ xác nhận những trường hợp đặc biệt, hoặc bác sỹ yêu cầu một cán bộ nhà tù phải có mặt vì lý do an ninh, hoặc tù nhân nữ đặc biệt yêu cầu một cán bộ nhà tù hiện diện như đã nêu ra tại quy tắc 10, đoạn 2 phía trên.

2. Trong trường hợp cần để một cán bộ nhà tù không chuyên môn y tế có mặt trong quá trình khám bệnh, cán bộ đó nên là phụ nữ và quá trình khám bệnh phải được tiến hành sao cho đảm bảo sự riêng tư, phẩm giá và bảo mật của tù nhân nữ.

(C) Sức khỏe tâm thần và chăm sóc

Quy tắc số 12

Các chương trình chăm sóc và phục hồi sức khỏe tâm thần mà được thiết kế riêng, nhạy cảm về giới, có thông tin chấn thương và các chương trình toàn diện, phải được cung cấp cho tù nhân nữ có nhu cầu chăm sóc tâm thần, cả trong tù hoặc trong các bối cảnh không giam giữ khác.

Quy tắc số 13

Cán bộ nhà tù phải được cảnh báo những khi tù nhân nữ cảm thấy đang trong tình trạng nguy hiểm cụ thể nào đó, để tế nhị trong xử lý các tình huống và đảm bảo rằng các tù nhân nữ nhận được các hỗ trợ phù hợp.

(D) Phòng chống HIV, chữa trị, chăm sóc và hỗ trợ

Quy tắc số 14

Trong việc phát triển các phương pháp ứng phó với HIV/AIDS trong các thiết chế hình sự, những chương trình và dịch vụ phải đáp ứng các nhu cầu cụ thể của phụ nữ, bao gồm phòng chống lây lan từ mẹ sang con. Trong trường hợp này, quản lý nhà tù phải khuyến khích và hỗ trợ phát triển các sáng kiến phòng chống HIV, điều trị và chăm sóc, ví dụ như giáo dục lẫn nhau.

(E) Các chương trình điều trị lạm dụng chất gây nghiện

Quy tắc số 15

Các dịch vụ sức khỏe nhà tù phải cung cấp hoặc tạo điều kiện cho các chương trình điều trị chuyên biệt, thiết kế dành cho phụ nữ lạm dụng chất kích thích, tính toán đến việc họ từng là nạn nhân trước đó, và những nhu cầu đặc biệt của phụ nữ mang thai và phụ nữ có con, cũng như các đặc thù văn hoá đa dạng của họ.

(F) Phòng ngừa tự tử và tự ngược đãi bản thân

Quy tắc số 16

Việc phát triển và ứng dụng các kế hoạch có tham khảo đến các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần và phúc lợi xã hội, để phòng ngừa nạn tự tử và tự ngược đãi bản thân trong các tù nhân nữ và việc cung cấp những hỗ trợ chuyên biệt và phù hợp về giới, và việc đặc biệt hỗ trợ cho hợp cho những người đang có nguy cơ, phải là một phần của một chính sách toàn diện về chăm sóc sức khỏe tâm thần trong các nhà tù dành cho phụ nữ.

(G) Các dịch vụ chăm sóc y tế dự phòng

Quy tắc số 17

Tù nhân nữ phải nhận được sự giáo dục và các thông tin về các biện pháp y tế dự phòng, bao gồm về HIV, các bệnh lây qua đường tình dục, và các bệnh lây qua đường máu, cũng như các vấn đề sức khoẻ đặc thù về giới.

Quy tắc số 18

Các biện pháp y tế dự phòng đặc biệt liên quan đến phụ nữ, như xét nghiệm ung thư cổ tử cung (xét nghiệm PAP), sàng lọc ung thư vú và các loại ung thư phụ khoa khác, phải được cung cấp cho tù nhân nữ trên cơ sở bình đẳng như với những người phụ nữ cùng tuổi ngoài xã hội

7. An toàn và Bảo mật

[Bổ sung cho Quy tắc 27 đến 36 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

(A) Khám xét

Quy tắc số 19

Các biện pháp hữu hiệu cần được áp dụng nhằm đảm bảo nhân phẩm và lòng tự trọng của các tù nhân nữ được bảo vệ trong quy trình khám xét thân thể. Quy trình này chỉ được thực hiện bởi các cán bộ nữ đã được đào tạo các phương pháp khám xét phù hợp, dựa trên các quy trình có sẵn.

Quy tắc số 20

Các biện pháp khám xét thay thế, ví dụ như các phương pháp rà quét, nên được phát triển để thay thế cách khám xét thoát y và khám xét đụng chạm thân thể, để tránh các tác động có thể gây hại về mặt tâm lý và các tổn hại về cơ thể có thể có trong quá trình khám xét xâm phạm thân thể.

Quy tắc số 21

Cán bộ nhà tù phải thể hiện được năng lực, chuyên môn, độ nhạy cảm của mình và phải bảo đảm sự tôn trọng và phẩm giá khi khám xét trẻ em trong tù với mẹ và trẻ em thăm tù.

(B) Kỷ luật và trừng phạt

[Bổ sung cho Quy tắc 27 đến 32 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 22

Không bao giờ áp dụng hình phạt biệt giam [giam trong buồng kín] hoặc kỷ luật bằng cách cách ly đối với tù nhân nữ mang thai, có con nhỏ và đang cho con bú.

Quy tắc số 23

Các hình thức xử phạt kỷ luật đối với tù nhân nữ không được bao gồm việc cấm liên lạc với gia đình, đặc biệt là với trẻ em.

(C) Dụng cụ cưỡng chế

[Bổ sung cho Quy tắc 33 đến 34 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 24

Không bao giờ được sử dụng dụng cụ cưỡng chế đối với phụ nữ đang đau đẻ, đang sinh con và ngay sau khi sinh con.

(D) Thông tin cho tù nhân và khiếu nại của tù nhân; thanh tra

[Bổ sung cho Quy tắc 35, 36, và, đối với quy trình thanh tra, quy tắc 55 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 25

1. Các tù nhân nữ đã báo cáo trường hợp bị lạm dụng phải được bảo vệ, hỗ trợ và tư vấn ngay tức thời. Những cáo buộc của họ phải được điều tra bởi cơ quan có thẩm quyền độc lập, hoàn toàn tôn trọng nguyên tắc bảo mật. Các biện pháp bảo vệ phải được xem xét, đặc biệt có tính đến các rủi ro bị trả thù.

2. Tù nhân nữ từng là đối tượng của sự lạm dụng tình dục, và đặc biệt là các tù nhân bị hậu quả là mang thai, phải được nhận lời khuyên và tư vấn y tế thích hợp, cũng như phải được cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu về thể chất và tâm thần, và các dịch vụ hỗ trợ và trợ giúp pháp lý.

3. Để giám sát các điều kiện giam giữ và việc đối xử với tù nhân nữ, cơ quan thanh tra, các ban kiểm tra và giám sát hoặc các bộ phận giám thị phải bao gồm các thành viên là nữ.

Tiếp xúc với thế giới bên ngoài

[Bổ sung cho Quy tắc 37 đến 39 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 26

Tiếp xúc giữa tù nhân nữ với gia đình họ, bao gồm con cái, người giám hộ con cái họ, và đại diện pháp lý phải được khuyến khích và tạo điều kiện bằng mọi phương tiện hợp lý. Nếu có thể, phải thực hiện các biện pháp nhằm cân bằng các bất lợi của tù nhân nữ bị giam giữ tại các nhà tù cách xa nhà của họ.

Quy tắc số 27

Trong trường hợp được cho phép gặp chồng tại phòng, tù nhân nữ phải được thực hiện quyền này một cách bình đẳng với nam giới.

Quy tắc số 28

Sự thăm viếng mà có hiện diện của trẻ em phải được diễn ra trong một môi trường thân thiện và tích cực cho sự gặp gỡ giữa mẹ và con, bao gồm đối với thái độ của cán bộ nhân viên nhà tù, và phải cho phép sự tiếp xúc thân mật giữa mẹ và con. Nếu có thể, cần khuyến khích những cuộc thăm viếng kéo dài giữa tù nhân nữ và con cái họ.

9. Đội ngũ nhân lực và đào tạo cán bộ nhân viên nhà tù

[Bổ sung cho Quy tắc 46 đến 55 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 29

Chương trình xây dựng năng lực dành cho các cán bộ làm việc trong các nhà tù phụ nữ phải giúp được tù nhân nữ đáp ứng các yêu cầu đặc biệt của việc tái hoà nhập xã hội, và sử dụng các thiết bị an toàn và các thiết bị phục hồi chức năng. Các biện pháp xây dựng năng lực cho các cán bộ nữ cũng phải bao gồm khả năng được giao các vị trí cao cấp với trách nhiệm quan trọng

trong việc phát triển chính sách và chiến lược liên quan đến việc đối xử và chăm sóc các tù nhân nữ.

Quy tắc số 30

Phải có cam kết rõ ràng và lâu dài ở cấp độ quản lý trong những công việc hành chính của nhà tù, nhằm ngăn ngừa và giải quyết các trường hợp phân biệt giới tính đối với cán bộ nhân viên nữ.

Quy tắc số 31

Phải phát triển và áp dụng các quy định và chính sách một cách rõ ràng về cách hành xử của cán bộ nhân viên nhà tù, nhằm bảo vệ tối đa các tù nhân nữ khỏi bất cứ hành vi phân biệt giới tính và lạm dụng thân thể hoặc lăng mạ bằng lời nói, quấy rối và lạm dụng tình dục.

Quy tắc số 32

Nữ cán bộ nhà tù phải được tiếp cận các chương trình tập huấn bình đẳng như các nam cán bộ nhà tù, và tất cả các cán bộ nhân viên có liên quan trong việc quản lý nhà tù dành cho phụ nữ phải được đào tạo về nhạy cảm giới và cấm phân biệt đối xử, cũng như về vấn đề quấy rối tình dục.

Quy tắc số 33

1. Mọi cán bộ nhân viên nhà tù làm việc với tù nhân nữ phải được đào tạo liên quan đến những nhu cầu đặc biệt về giới và quyền con người của tù nhân nữ.
2. Phải cung cấp cho cán bộ nhà tù làm việc trong các nhà tù nữ các khoá đào tạo cơ bản về những vấn đề chính liên quan đến sức khoẻ phụ nữ, bên cạnh việc sơ cứu và y học cơ bản.

3. Trường hợp trẻ em được phép sống chung với mẹ trong tù, chương trình về cao nhận thức phát triển của trẻ và các khoá đào tạo cơ bản về chăm sóc sức khoẻ trẻ em phải được cung cấp cho cán bộ nhân viên nhà tù, để họ có thể phản ứng một cách thích hợp trong những tình huống cần thiết và khẩn cấp.

Quy tắc số 34

Chương trình xây dựng năng lực về HIV phải được tiến hành như một phần của chương trình đào tạo thường xuyên dành cho cán bộ nhân viên nhà tù. Ngoài phòng chống, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ HIV/AIDS, những vấn đề như giới và quyền con người, đặc biệt tập trung vào mối liên hệ đến HIV, kỳ thị và phân biệt đối xử, cũng cần phải là một phần trong chương trình giảng dạy.

Quy tắc số 35

Cán bộ nhân viên nhà tù phải được huấn luyện để phát hiện các nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tâm thần và nguy cơ tự huỷ hoại bản thân và tự tử đối với các tù nhân nữ và giúp đỡ bằng cách hỗ trợ và chuyển những trường hợp này cho các chuyên gia

10. Tù nhân nữ vị thành niên

Quy tắc số 36

Các cơ quan có thẩm quyền của nhà tù phải đưa ra các biện pháp đáp ứng nhu cầu bảo vệ các tù nhân nữ vị thành niên.

Quy tắc số 37

Các tù nhân nữ vị thành niên phải có quyền bình đẳng trong tiếp cận giáo dục và đào tạo nghề giống như các tù nhân nam vị thành niên khác.

Quy tắc số 38

Các tù nhân nữ vị thành niên phải được tiếp cận các dịch vụ và chương trình chuyên biệt về tuổi và giới, ví dụ như chương trình tư vấn bạo hành và lạm dụng tình dục. Các tù nhân nữ phải được giáo dục về chăm sóc sức khỏe phụ nữ và thường xuyên tiếp xúc với bác sĩ phụ khoa, tương tự đối với các tù nhân nữ trưởng thành.

Quy tắc số 39

Nữ tù nhân vị thành niên mang thai phải nhận được hỗ trợ và chăm sóc sức khỏe tương đương với những tù nhân nữ trưởng thành khác. Họ phải được theo dõi sức khỏe bởi những chuyên gia y tế, có xem xét thực tế rằng họ thường có những rủi ro lớn hơn về các biến chứng sức khỏe bởi tuổi tác của họ.

II. Những quy tắc áp dụng cho các loại tù nhân đặc biệt

A. Tù nhân đang thi hành án

1. Phân loại và tách biệt theo từng cá nhân [Bổ sung cho Quy tắc 67 đến 69 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 40

Ban quản lý nhà tù phải phát triển và thực hiện các phương pháp phân loại để giải quyết các nhu cầu đặc thù về giới và hoàn cảnh cụ thể của tù nhân nữ, nhằm đảm bảo việc lên kế hoạch và triển khai được phù hợp theo từng cá nhân, hướng đến việc phục hồi, điều trị và tái hòa nhập xã hội của những tù nhân đó trong thời gian sớm nhất.

Quy tắc số 41

Việc đánh giá rủi ro nhạy cảm về giới và phân loại tù nhân phải:

(a) Tính đến các rủi ro, thông thường là thấp, gây ra bởi những tù nhân nữ đối với người khác, cũng như các ảnh hưởng đặc biệt có hại mà các biện pháp an ninh nghiêm ngặt và việc tăng cường mức độ cô lập có thể có đối với tù nhân nữ;

(b) Cho phép truy cập các thông tin thiết yếu về lý lịch của tù nhân nữ, ví dụ vấn đề bạo lực họ đã trải qua, lịch sử bệnh tâm thần và lạm dụng chất kích thích, cũng như trách nhiệm làm mẹ và chăm sóc gia đình, cần phải được tính toán đến địa điểm giam giữ và quá trình thi hành án.

(c) Đảm bảo rằng các kế hoạch thi hành án bao gồm các chương trình và dịch vụ phục hồi nhân phẩm phù hợp với nhu cầu cụ thể về giới của họ.

(d) Đảm bảo rằng những tù nhân có nhu cầu về chăm sóc sức khỏe tâm thần cần được sắp xếp chỗ ở không bị hạn chế, và ở mức độ an ninh thấp nhất có thể, và nhận được điều trị thích hợp, chứ không phải được giam trong các cơ sở an ninh nghiêm ngặt chỉ bởi vì các vấn đề tâm thần của họ.

2. Chế độ nhà tù

[Bổ sung cho Quy tắc 65, 66 và từ quy tắc 70 đến 81 bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 42

1. Tù nhân nữ phải được tiếp cận các chương trình hoạt động cân đối và toàn diện mà có cân nhắc đến các nhu cầu giới phù hợp với giới tính.

2. Chế độ của nhà tù phải linh hoạt trong phản ứng đối với các nhu cầu của phụ nữ mang thai, hoặc đang cho con bú và bà mẹ có con nhỏ theo cùng. Các cơ sở vật chất hoặc thu xếp chăm sóc trẻ em phải được cung cấp trong các nhà tù để tù nhân nữ có thể tham gia vào các hoạt động của nhà tù.

3. Các nỗ lực cụ thể phải được thực hiện nhằm cung cấp các chương trình phù hợp cho phụ nữ mang thai, hoặc đang cho con bú và bà mẹ có con nhỏ theo ở cùng trong tù.

4. Các nỗ lực cụ thể cần được thực hiện nhằm cung cấp các dịch vụ phù hợp cho tù nhân nữ có nhu cầu hỗ trợ tâm lý, đặc biệt là những người đã từng là nạn nhân bị lạm dụng tình dục, bị xâm hại về thể xác và tinh thần.

Các mối quan hệ xã hội và sự quan tâm sau khi ra tù

[Bổ sung cho Quy tắc từ 79 đến 81 bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 43

Các cơ quan nhà tù có thẩm quyền cần khuyến khích và, nếu có thể, cũng tạo điều kiện cho việc thăm tù đối với tù nhân nữ, như là một điều kiện tiên quyết để đảm bảo sức khoẻ tinh thần và sự tái hoà nhập xã hội của họ.

Quy tắc số 44

Do kinh nghiệm không cân xứng của các tù nhân nữ đối với vấn đề bạo lực gia đình, họ phải được tư vấn đầy đủ, như đối với việc ai sẽ được phép thăm họ, bao gồm cả các thành viên trong gia đình họ.

Quy tắc số 45

Quản lý nhà tù phải sử dụng các phương án như cho về thăm nhà, nhà tù mở, ký túc xá cho tù nhân mới được tại ngoại, và các chương trình cũng như là các dịch vụ khác dựa trên nền tảng cộng đồng đến mức tối đa có thể cho các tù nhân nữ, để quá trình chuyển tiếp từ việc sống trong tù cho tới khi được tại ngoại diễn ra suôn sẻ hơn, và để giảm sự kỳ thị cũng như xây dựng lại mối liên hệ giữa họ và gia đình ở giai đoạn sớm nhất có thể.

Quy tắc số 46

Quản lý nhà tù, phối hợp với chương trình quản chế và/hoặc các dịch vụ phúc lợi xã hội, cũng như những nhóm cộng đồng địa phương và các tổ chức phi chính phủ, phải thiết kế và thực hiện các chương trình tái hoà nhập trước và sau khi trả tự do, có tính đến các nhu cầu cụ thể về giới của phụ nữ.

Quy tắc số 47

Các hỗ trợ kèm theo sau khi được trả tự do phải được cung cấp, cho các tù nhân nữ mãn hạn tù mà cần sự giúp đỡ về tâm lý, y tế, pháp lý và thực tế để đảm bảo rằng sự tái hoà nhập xã hội của họ thành công. Các hỗ trợ này phải phối hợp với các dịch vụ trong cộng đồng.

Phụ nữ mang thai và cho con bú, người mẹ có con nhỏ và người mẹ có con nhỏ ở cùng trong tù

[Bổ sung cho Quy tắc 23 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 48

1. Tù nhân nữ mang thai hoặc đang cho con bú phải được tư vấn về sức khỏe và chế độ dinh dưỡng theo một chương trình được thiết kế và giám sát bởi một chuyên gia y tế có trình độ chuyên môn. Chế độ ăn uống đầy đủ và đúng giờ, cũng như một môi trường lành mạnh và các cơ hội thể dục thể thao thường xuyên phải được cung cấp miễn phí cho phụ nữ mang thai, trẻ sơ sinh, trẻ em và các bà mẹ đang cho con bú.

2. Không được ngăn cản tù nhân nữ cho con bú sữa mẹ, trừ khi có những lý do cụ thể về sức khỏe.

3. Các nhu cầu về y tế và dinh dưỡng của tù nhân nữ vừa mới sinh con nhưng trẻ sơ sinh không ở cùng với mẹ trong tù, phải được đưa vào các chương trình điều trị

Quy tắc số 49

Quyết định để cho trẻ em ở lại với mẹ trong tù phải dựa trên lợi ích tốt nhất của đứa trẻ. Trẻ em ở trong tù với mẹ không bao giờ được coi là tù nhân.

Quy tắc số 50

Tù nhân nữ có con nhỏ bị giam cùng phải được tạo điều kiện tối đa để họ dành nhiều thời gian với con cái.

Quy tắc số 51

1. Trẻ em sống chung với mẹ trong tù phải được cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, và sự phát triển của chúng phải được giám sát bởi các chuyên gia có kết hợp với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Môi trường dành cho việc nuôi dạy các trẻ em sống trong tù phải gần giống nhất có thể so với môi trường nuôi dạy một đứa trẻ ngoài trại giam.

Quy tắc số 52

1. Các quyết định liên quan đến việc khi nào một đứa trẻ có thể tách khỏi mẹ phải dựa trên các đánh giá theo từng cá nhân và dựa trên những lợi ích tốt nhất của đứa trẻ, trong phạm vi luật pháp quốc gia.

2. Việc đưa đứa trẻ ra khỏi nhà tù phải được tiến hành một cách tế nhị, chỉ khi xác định được những phương án chăm sóc thay thế dành cho đứa trẻ. Trong trường hợp tù nhân mang quốc tịch nước ngoài, phải tham khảo ý kiến của các viên chức lãnh sự của nước đó.

3. Sau khi trẻ em được cách ly khỏi mẹ của chúng và chuyển cho gia đình hoặc người thân hoặc các phương án chăm sóc khác, tù nhân nữ phải được tạo cơ hội và hỗ trợ tối đa để tiếp xúc với con của họ, trong điều kiện lợi ích tốt nhất cho trẻ em và khi an toàn công cộng không bị tổn hại.

4. Người nước ngoài:

[Bổ sung cho Quy tắc 38 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 53

1. Nếu có các thoả thuận song phương hoặc đa phương, việc chuyển các tù nhân nữ người nước ngoài không cư trú về lại nước sở tại phải được xem xét một cách nhanh chóng, nếu có đơn xin phép hoặc sự đồng ý chính thức của tù nhân nữ trong thời gian giam giữ, đặc biệt trong trường hợp họ có con nhỏ ở nước sở tại.

2. Trường hợp trẻ em sống chung với tù nhân nữ người nước ngoài không cư trú tại nước sở tại được chuyển khỏi nhà tù, cần xem xét việc đưa đứa trẻ về lại nước mẹ, có tính toán đến lợi ích tốt nhất cho đứa trẻ và phải tham khảo ý kiến của người mẹ.

5. Người dân tộc thiểu số và người bản địa

Quy tắc số 54

Quản lý nhà tù phải nhận biết rằng tù nhân nữ đến từ các văn hoá và tôn giáo khác nhau có những nhu cầu riêng biệt và có thể sẽ đối mặt với nhiều hình thức phân biệt đối xử trong việc tiếp cận các chương trình dịch vụ liên quan về giới và văn hoá. Theo đó, cán bộ nhà tù phải cung cấp những chương trình, dịch vụ toàn diện để đáp ứng những nhu cầu đó, đi kèm tham khảo ý kiến của chính những tù nhân nữ và những nhóm khác có liên quan.

Quy tắc số 55

Các chương trình trước và sau khi trả tự do tù nhân cần phải được cân nhắc cẩn thận để đảm bảo các chương trình đó phù hợp và có thể tiếp cận được đối với tù nhân nữ người bản địa và đối với tù nhân nữ từ các nhóm sắc tộc và chủng tộc khác nhau, đi kèm theo sự tư vấn của các nhóm có liên quan.

B. Tù nhân bị bắt giữa hay đang chờ xét xử

[Bổ sung cho quy tắc 84 đến 93 của bộ Quy Tắc Tiêu Chuẩn Tối Thiểu Về Đối Xử Với Tù Nhân]

Quy tắc số 56

Các cơ quan có thẩm quyền liên quan phải nhận thức được những rủi ro bị lạm dụng mà phụ nữ đặc biệt phải đối mặt trong khi tạm giam chờ xét xử. Các cơ quan này phải áp dụng các biện pháp thích hợp trong chính sách và trong thực tiễn nhằm đảm bảo an toàn của người phụ nữ trong quá trình tạm giam chờ xét xử. (Xem thêm quy tắc số 58 bên dưới, liên quan đến các phương án thay thế cho việc tạm giam trước khi xét xử).

III. Các biện pháp không giam giữ

Quy tắc số 57

Các quy định của bộ Quy tắc Tokyo phải được áp dụng để hướng dẫn phát triển và áp dụng các biện pháp phù hợp đối với các nữ tội phạm. Các lựa chọn có tính toán đến khía cạnh giới cho các biện pháp cải tạo không giam giữ và các phương án thay thế việc xét xử và giam giữ cần được xây dựng trong khuôn khổ hệ thống luật pháp của các quốc gia thành viên, có xem xét đến việc những người phụ nữ phạm tội từng là nạn nhân và trách nhiệm chăm sóc gia đình của họ.

Quy tắc số 58

Xem xét đến các quy định trong quy tắc 2.3 của bộ Quy tắc Tokyo, không được cách ly nữ tội phạm khỏi gia đình và cộng đồng của họ mà bỏ qua các yếu tố như nguồn gốc và các mối quan hệ trong gia đình của họ. Giải pháp khác cho việc kiểm soát nữ tội phạm, ví dụ như các biện pháp trừng trị phi hình sự hoá và các phương án thay thế xét xử và giam giữ, phải được áp dụng bất cứ lúc nào khi thấy khả thi và phù hợp.

Quy Tắc số 59

Nói chung, các biện pháp bảo vệ không giam giữ, ví dụ như các cơ sở lưu trú được quản lý bởi các cơ quan độc lập, các tổ chức phi chính phủ hoặc các dịch vụ cộng đồng khác, phải được sử dụng để bảo vệ những người phụ nữ cần được bảo vệ như vậy. Các biện pháp tạm thời bao gồm giam giữ để bảo vệ phụ nữ chỉ được áp dụng khi cần thiết và được yêu cầu bởi chính họ, và trong mọi trường hợp phải được giám sát bởi các cơ quan pháp luật hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác. Những phương pháp bảo vệ như vậy không được tiếp tục tiến hành ngược lại ý muốn của người phụ nữ có liên quan.

Quy tắc số 60

Phải cung cấp các nguồn lực phù hợp để đưa ra các hình thức phạt đa dạng và phù hợp cho nữ tội phạm, để kết hợp giữa các biện pháp không giam giữ với các biện pháp can thiệp khác nhằm giải quyết những vấn đề phổ biến nhất khiến người phụ nữ phải đối diện với hệ thống pháp lý hình sự. Các hình thức trừng phạt thay thế có thể bao gồm các khoá học trị liệu và tư vấn cho các nạn nhân bạo lực gia đình và lạm dụng tình dục; các phương pháp điều trị thích hợp cho người mắc bệnh tâm

thần; và các chương trình giáo dục và đào tạo để nâng cao triển vọng việc làm. Những chương trình này phải tính đến nhu cầu chăm sóc con cái và các dịch vụ dành riêng cho phụ nữ.

Quy tắc số 61

Khi kết án những nữ tội phạm, toà án phải có quyền xem xét các yếu tố giảm nhẹ hình phạt ví dụ như không có tiền án phạm tội và mức độ tương đối không nghiêm trọng cũng như bản chất của hành vi gây án, dựa trên các trách nhiệm chăm sóc gia đình và các yếu tố nguồn gốc cụ thể của từng tội phạm.

Quy tắc số 62

Phải cải thiện việc cung cấp các chương trình điều trị lạm dụng chất kích thích theo hướng nhạy cảm về giới, có thông tin về các tổn thương và dành riêng cho phụ nữ, nhằm ngăn ngừa tội phạm cũng như cải tạo không giam giữ và các biện pháp trừng phạt không kết án khác.

1. Các hướng dẫn sau khi kết án

Quy tắc số 63

Các quyết định về việc trả tự do sớm có điều kiện (khoan hồng) phải ưu tiên xem xét trách nhiệm chăm sóc gia đình của người tù nhân nữ, cũng như các nhu cầu tái hoà nhập xã hội cụ thể của họ.

2. Phụ nữ mang thai và phụ nữ có con nhỏ phụ thuộc vào họ

Quy tắc số 64

Các án phạt không giam giữ cho phụ nữ mang thai và có con nhỏ còn phụ thuộc phải được ưu tiên hơn khi có thể và mang tính phù hợp, trong đó các án phạt giam giữ phải được xem xét khi hành vi phạm tội có tính chất nghiêm trọng hoặc liên quan đến vũ lực hoặc người phụ nữ vẫn còn khả năng gây nguy hiểm cho cộng đồng, và sau khi xem xét lợi ích tối đa của trẻ em, trong khi đảm bảo rằng đã có quy định thích hợp để chăm sóc những đứa trẻ đó.

3. Tội phạm nữ vị thành niên

Quy tắc số 65

Phải tránh hết mức có thể việc giam giữ trẻ em mà việc này xung với pháp luật nhà nước. Sự dễ bị tổn thương trong yếu tố về giới tính của tội phạm nữ vị thành niên phải được đưa ra xem xét trong quá trình ra quyết định.

4. Người có quốc tịch nước ngoài

Quy tắc số 66

Phải nỗ lực tối đa để phê chuẩn Công ước Liên hiệp quốc về Phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia số 26 và Nghị định thư về Phòng ngừa, Ngăn chặn và Trừng phạt hành vi buôn bán người, đặt biệt là buôn bán phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước Liên hiệp quốc về Phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia số 27 để thực hiện đầy đủ các điều khoản của các Công ước trên, cũng như để bảo vệ tối đa các nạn nhân của hành vi buôn bán người, nhằm tránh việc nhiều người phụ nữ nước ngoài khác trở thành nạn nhân gián tiếp của nó.

IV. Nghiên cứu, lên kế hoạch, đánh giá và nâng cao nhận thức cộng đồng

1. Nghiên cứu, lên kế hoạch và đánh giá

Quy tắc số 67

Phải nỗ lực tổ chức và thúc đẩy các nghiên cứu toàn diện theo định hướng kết quả về những hành vi phạm tội của phụ nữ, những lý do khiến người phụ nữ phải đối mặt với hệ thống pháp lý hình sự, ảnh hưởng của việc phạm tội hình sự một cách gián tiếp và việc phạt tù lên phụ nữ, đặc điểm của các tội phạm nữ, cũng như các chương trình được thiết kế nhằm giảm thiểu sự tái phạm tội của phụ nữ, như là một cơ sở cho việc lên kế hoạch hiệu quả, phát triển các chương trình và hoạch định chính sách để đáp ứng nhu cầu tái hoà nhập xã hội của các tội phạm nữ.

Quy tắc số 68

Phải nỗ lực tổ chức và thúc đẩy các nghiên cứu về số lượng trẻ em bị ảnh hưởng bởi người mẹ phải đối mặt với hệ thống pháp lý hình sự, đặc biệt là tù giam, cũng như ảnh hưởng của vấn đề này lên trẻ em, để góp phần vào công việc hoạch định chính sách và phát triển chương trình, có xem xét đến lợi ích tối ưu của trẻ em.

Quy tắc số 69

Phải nỗ lực định kỳ xem xét, đánh giá và công khai các xu hướng, các vấn đề và yếu tố liên hệ với hành vi phạm tội ở phụ nữ và hiệu quả trong việc đáp ứng các nhu cầu tái hoà nhập xã hội của tội phạm nữ và con cái của họ, nhằm giảm tình trạng kỳ thị và

các ảnh hưởng tiêu cực của việc người phụ nữ từng trải qua thời gian trong hệ thống pháp lý hình sự.

2. Nâng cao nhận thức cộng đồng, chia sẻ thông tin và đào tạo

Quy tắc số 70

1. Các phương tiện truyền thông và công chúng phải được thông tin về những nguyên nhân dẫn đến việc phụ nữ bị vướng vào hệ thống pháp lý hình sự và những cách hiệu quả nhất để giải quyết các vấn đề đó, nhằm hỗ trợ sự tái hoà nhập xã hội của người phụ nữ, đồng thời có xem xét đến lợi ích tối đa của con cái họ.

2. Việc xuất bản và phổ biến các nghiên cứu và các trường hợp và bài học thực tiễn phải xây dựng các yếu tố chính sách toàn diện nhằm nâng cao kết quả và sự công bằng cho phụ nữ cũng như con cái của họ với các biện pháp tư pháp hình sự dành cho nữ tội phạm.

3. Các cơ quan truyền thông, cộng đồng và những chuyên gia có trách nhiệm trong các vấn đề liên quan đến tù nhân nữ và tội phạm nữ, phải thường xuyên được cung cấp thông tin thực tế về các vấn đề được quy định trong các quy tắc này và việc áp dụng nó vào thực tế.

4. Các chương trình đào tạo về các quy tắc hiện thời và kết quả nghiên cứu phải được phát triển và áp dụng cho các cán bộ tư pháp hình sự có liên quan, nhằm nâng cao nhận thức và sự nhạy cảm của họ đối với những quy tắc trên.

